Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk.
- Tên dự toán: Mua sắm thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk.
- Chủ đầu tư: Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn mua sắm công cụ dụng cụ năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 07 ngày.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 07 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- Địa điểm thực hiện: Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, địa chỉ: Số 37 Phan Bội Châu, P. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Mua sắm thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thiết bị đề xuất phải Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương.

STT	Sản Phẩm	
1	**MÁY TÍNH ĐỂ BÀN**	
	Processors	Intel® Core™ i5 14500 vPro® (14 cores, up to 5.0 GHz)
	Chipset	Intel® Q670
	Memory	16 GB: 1 x 16 GB, DDR5, up to 4800 MT/s, non-ECC
	Hard drive	256GB SSD TLC
	Drive bays	1 M.2 SSD along with 3.5" hard drive bays for data storage
	ODD	No Optical Software with filter cover
	LAN	Intel WGI219LM 10/100/1000 Mbps
	Audio	Realtek Audio Controller, ALC3246-CG, High Definition Audio
	Expansion slots	1 Half-height Gen3 PCIe x16 slot

		1 Half-height Gen3 PCIe x1 slot 1 SATA 2.0 slot for slim optical drive 1 SATA 3.0 slot for 3.5-inch hard drive and slim optical drive 1 M.2 2230 slot for WiFi and Bluetooth combo card 1 M.2 2230/2280 slot for solid-state drive Tùy chọn: USB Type-C 3.2 Gen 2 (10 Gbps) PCIe Card, Low Profile USB 3.2 Gen 2 PCIe Card, Low Profile Serial Port PCIe Card (Low Profile) Parellel Port PCIe Card (Low Profile) PS/2 and Serial port card, Low Profile Zoom PCIe Card for Additional SSD
	Ports and connectors	Phía trước: 2 USB 2.0 (480 Mbps) ports 1 USB 3.2 Gen 1 (5Gbps) Type-C port 1 USB 3.2 Gen 1 (5Gbps) port 1 Universal audio jack Phía sau: 2 USB 2.0 (480 Mbps) ports with Smart Power On 2 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) ports 1 DisplayPort™ 1.4a (HBR2) port 1 HDMI 1.4b port 1 RJ45 Ethernet Port 1 Serial port (optional) 1 Video port (HDMI 2.1/DisplayPort™ 1.4a (HBR3)/VGA) (optional)
	Graphics	Integrated Graphics
	Power Cord	System Power Cord C13
	Security	Dell SafeBIOS Dell SafeBIOS Indicators of Attack Dell SafeBIOS CVE Detection Dell Trusted Device Application Chassis intrusion switch Kensington Security Slot™ (T-bar) SPI Flash Tamper Detection Circuit Tùy chọn: Dell SafeID

		Dell Secured Component Verification Tamper-evident packaging Hard drive wipes Intel ME Verification OPAL drive / Self-encrypting drive (SED)
	Accessories	Pro Smartcard Keyboard KB813(English) - Brown Box - 1yr Ltd HW Warranty - SnP USB Optical Mouse-MS116 (EPEAT) - Black
	Weights & Dimensions	29,0 x 92.6 x 29,3 mm (C,R,S) Trọng lượng: 4.08kg~5.38kg
	Hệ điều hành	Windows 11 Pro 64
	Màn hình	19.5 inch Monitor
	Bảo hành	36 tháng
2	**BỘ LƯU ĐIỆN 1**	
	Công nghệ	Offline
	Công suất	750VA/300W.
	Thời gian lưu điện	6 phút với 50% tải.
	Điện áp vào	165 ~ 265 VAC.
	Điện áp ra	220 ± 10% (Chế độ ắc qui)
	Cổng giao tiếp	Kết nối lấy điện ngõ vào: Dây điện có phích cắm chuẩn NEMA/ Lấy điện ngõ ra: 2 ổ chuẩn NEMA
	Tần số nguồn vào Dải tần số	50 Hz (46 ~ 54 Hz)
	Kích thước	80 x 232 x 177 mm
	Trọng lượng	2,6 kg
	Bảo hành	36 tháng
3	**BỘ LƯU ĐIỆN 2**	
	Nguồn Vào	
	Điện áp danh định	220/230/240 Vac
	Ngưỡng điện áp	100 ~ 300 Vac
	Số pha	1 pha (2 dây + dây tiếp đất)
	Tần số danh định	50/60 Hz (40 ~ 70 Hz)
	Hệ số công suất	0,99
	Nguồn Ra	
	Công suất	3 kVA / 2,7 kW
	Điện áp	220/230/240 Vac ± 1%
	Số pha	1 pha (2 dây + dây tiếp đất)

	Dạng sóng	Sóng Sine thật (True sine-wave)
	Tần số	50/60 Hz ± 0,05 Hz (chế độ ắc quy)
	Hiệu suất	91% (97% - ECO Mode)
	Cấp điện ngõ ra	IEC C13 * 4 & IEC C19 * 1
	Chế Độ Bypass	
	Tự động chuyển sang chế độ Bypass	Khi UPS lỗi, quá tải
	Ắc Quy	
	Loại ắc quy	12VDC, kín khí, không cần bảo dưỡng
	Thời gian lưu điện	>3,5 phút
	Giao Diện	
	Bảng điều khiển	Nút khởi động / Tắt còi báo / Nút tắt nguồn
	LED hiển thị trạng thái	Chế độ điện lưới, chế độ ắc quy, chế độ Bypass, dung lượng tải, dung lượng ắc quy, báo trạng thái hư hỏng.
	Cổng giao tiếp	RS232, khe cắm mở rộng
	Phần mềm quản lý	Phần mềm quản trị Winpower đi kèm, cho phép giám sát, tự động bật / tắt UPS và hệ thống Hỗ trợ tất cả các hệ điều hành Window, Linux, Unix, Sun
	Thời gian chuyển mạch	0 ms
	Môi Trường Hoạt Động	
	Nhiệt độ môi trường hoạt động	0 ~ 40°C
	Độ ẩm môi trường hoạt động	20% ~ 90%, không kết tụ hơi nước
	Tiêu Chuẩn	
	Độ ồn khi máy hoạt động	<50dB@1 meter
	Kích thước	190 x 399 x 327 (R x D x C) (mm)
	Trọng lượng tịnh	22,7 (kg)
	Bảo hành	36 tháng
4	**MÁY IN**	
	Công nghệ in	In Laser, 2 mặt tự động
	Khổ giấy tối đa	A4/Letter
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi

	Bộ nhớ chuẩn	256MB
	Bộ xử lý CPU	1200 MHz
	Đầu vào xử lý giấy	Khay đa năng 100 tờ 1, Khay đầu vào 250 tờ 2
	Đầu ra xử lý giấy	Ngăn giấy ra 150 tờ
	Hỗ trợ HĐH	Windows 11; Windows 10; Windows 7; Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina. MacOS 11 Big Sur; macOS 12 Monterey; Hệ điều hành Chrome
	Cổng kết nối	1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 máy chủ USB ở phía sau; Mạng Gigabit Ethernet 10/100 / 1000BASE-T; 802.3az (EEE)
	Kích thước	381 x 357 x 216 mm
	Trọng lượng	8,56 kg
	Bảo hành	36 tháng
5	**MÁY IN SỔ**	
	Technology	24-pin dot matrix
	Resolution	240x360 dpi
	Font	-OCR A-B -ROMAN -Sans Serif -Italic Courier
	Printing speed at 10 cpi	- VHSD: 560 cps - HSD: 510 cps - Draft: 370 cps - NLQ: 185 cps - LQ: 125 cps BIM: 200 dps
	Pitch	10, 12, 16.6, 17.1, 20 cpi
	Copies	Original + 6 copies
	Line length	238.76mm (94 columns at 10cpi)
	Line spacing	1/5", 1/6", n/216", n/240"
	Ribbon cartridge	10 million characters
	Document Handling	Feed width: 245 mm
	Noise level	<54 dBA (ISO 7779 with ECMA 132 text)
	Interfaces	Standard: RS232 serial, IEEE 1284 parallel and USB

		2.0 Optional: second USB port, second serial port and Ethernet interface
	Emulation	Olivetti Standard, IBM PP & X24 Optional: IBM 4722/9068, IBM PP & X24 WINCOR 4915, EPSON LQ 2550 UNISYS EFP series
	Voltage	230V/50Hz
	Bảo hành	36 tháng
6	**MÁY SCAN**	
	Bộ nhớ	tối thiểu 1024MB
	Độ phân giải	600 x 600 dpi
	Kết nối	USB, Wi-Fi, LAN
	Tự động	100 tờ (khay nạp giấy)
	Công suất quét	9000 tờ/ ngày Có thể quét nhiều loại tài liệu khác nhau, bao gồm cả thẻ nhựa dày đến 1.32mm và tài liệu dài đến 5 mét
	Màn hình	cảm ứng tối thiểu 4.3 inch hoặc 10.9cm, 4 phím chức năng
	Máy quét tài liệu	2 mặt tự động
	Khổ giấy	Tối đa A4 (50.8mm đến 5000mm)
	Tốc độ quét	60 trang/phút (1 mặt), 120 hình ảnh/phút (2 mặt)
	Thời gian bảo hành	24 tháng

1.3. Các yêu cầu khác

- Yêu cầu về bảo hành: Hàng hóa của gói thầu có yêu cầu bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phải có cam kết bảo hành chính hãng của văn phòng hãng tại Việt Nam theo yêu cầu của E-HSMT kể từ ngày lập biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

- Cam kết chế độ bảo hành 24/7; yêu cầu sau 2 giờ phải có mặt để khắc phục sự cố và sau tối đa 24 giờ phải xử lý xong sự cố kể từ khi nhận được thông tin sự cố (Có thuyết minh, trình bày phương án khả thi, thuyết phục).

- Yêu cầu bảo trì: Nhà thầu có cam kết bảo trì định kỳ miễn phí trong thời gian 12 tháng tại địa điểm cung cấp, có kế hoạch bảo trì chi tiết và nội dung bảo trì cụ thể; Nhà thầu cam kết có nhân sự riêng của nhà thầu để thực hiện bảo trì thiết bị (đảm bảo an ninh, an toàn thông tin), có qui trình bảo trì và số hotline để thuận tiện liên lạc.

- Yêu cầu về phụ tùng thay thế và dịch vụ sau bán hàng: Nhà thầu có cam đoan về cung cấp phụ tùng thay thế và dịch vụ sau bán hàng trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày hết hạn bảo hành.

- Nhà thầu cam kết sẽ cung cấp chứng nhận chất lượng (CQ), chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) khi giao hàng.

- Chủ đầu tư sẽ khước từ tất cả các sản phẩm, thiết bị do nhà thầu cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các chính sách có liên quan do nhà nước ban hành: hải quan, thuế, môi trường,…

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí vận chuyển, bốc dỡ đến kho bên mua, chi phí thử nghiệm, thí nghiệm, hàng mẫu (nếu có) theo yêu cầu trong HSMT.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Trong quá trình đánh giá E-HSDT và cung cấp hàng hóa, nếu cần thiết Tổ chuyên gia sẽ mang sản phẩm đi kiểm tra và thử nghiệm tại một đơn vị độc lập có đủ tư cách pháp nhân và chức năng kiểm định giám định, hoặc tại một cơ quan chức năng có thẩm quyền.